TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:108/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 12 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bê.

2. Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2020/TLST- HNGĐ ngày 14/7/2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 107/2020/QĐ-St ngày 22/10/2020; Thông báo v/v thay đổi thời gian mở phiên tòa số 585/2020/TB – TA ngày 20/11/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Thượng, xã Đồng Vi, huyện Yên D, tỉnh B. (Có mặt).

*** Bị đơn**: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Thượng, xã Đồng Vi, huyện Yên D, tỉnh B. (Vắng mặt).

Hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ.

* Người đại diện theo ủy quyền của chị Dnhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Nam, xã Đồng Vi, huyện Yên D, tỉnh B. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2020, nguyên đơn anh Vũ Văn H trình bày: Anh và chị Trần Thị Mỹ D kết hôn với nhau từ ngày 06/5/2009. Trước khi kết hôn, anh và chị Dcó được tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Vi, huyện

Yên D, tỉnh B. Sau ngày cưới, anh và chị Dvề chung sống với nhau ngay tại thôn Thượng, xã Đồng Vi, huyện Yên D, tỉnh B. Ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Đến tháng 9/2015 chị D đi lao động tại Đài Loan, tình cảm vợ chồng dần xa cách, mâu thuẫn dần nảy sinh. Anh và gia đình có liên lạc nhiều lần bảo chị Dvề nước để gia đình đoàn tụ cùng chăm sóc con cái, nhưng vợ anh không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ D.

Về con chung: Anh và chị Dcó 02 con chung là:

1. Vũ Trần Hoàng N, sinh ngày 18/02/2010.

2. Vũ Đức T, sinh ngày 15/4/2014.

Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Mỹ D hiện đang lao động tại Đài Loan đã gửi Bản tự khai và Đơn ủy quyền qua đường bưu điện về cho Tòa án. Chị D có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian đi xuất khẩu lao động, chị có về thăm gia đình một lần vào ngày 04/7/2017 và cho tới nay vẫn thường xuyên gọi điện về nhà hỏi thăm, ngoài ra chị cũng gửi tiền về để gia đình chị ổn định cuộc sống và chăm sóc con cái. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng chị luôn xảy ra những mâu thuẫn, không chung quan điểm sống dẫn đến không thể duy trì hôn nhân và không muốn chung sống với nhau nữa. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị, do hiện tại chị đang ở nước ngoài và do tình hình dịch bệnh covid 19 đang diễn biến phức tạp nên chị chưa thể về thụ lý vụ án được, chị có ý kiến là đồng ý ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là:

1. Vũ Trần Hoàng N, sinh ngày 18/02/2010

2. Vũ Đức T, sinh ngày 15/4/2014

Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng chị có mua 01 chiếc xe máy Novo LX, biển số 98-B1 41902 trị giá 35.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng chị có 01 sổ đỏ nhà đất. Mảnh đất đó hiện nay đã được cả gia đình cùng nhau vun vén và xây nên một căn nhà, hiện tại cả gia đình đang sống và sinh hoạt tại đây. Trị giá ngôi nhà là 1.500.000.000 đồng. Sau khi chị đi nước ngoài xảy ra những thay đổi gì chị không nắm được. Sau khi phân chia chị muốn được nhận bằng tiền mặt Việt Nam đồng.

Về công nợ: Trong quá trình về sống với nhau, hai vợ chồng chị không có khoản vay mượn nào.

Ngoài ra, chị Trần Thị Mỹ D ủy quyền cho ông Trần Văn Q, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Nam, xã Đồng Vi, huyện Yên D, tỉnh B thay mặt chị khi chị vắng

nhà, nhận các văn bản tố tụng, tài liệu liên quan và có mặt tại phiên tòa hoặc ủy quyền cho luật sư nếu có.

Ngày 16/10/2020, ông Trần Văn Q đã có đơn đề nghị giám định dấu vân tay tại Bản tự khai và Đơn ủy quyền do chị Trần Thị Mỹ D gửi về để có căn cứ xác định dấu vân tay này đúng là của chị Trần Thị Mỹ D.

Ngày 21/10/2020, Tòa án nhân dân tỉnh B đã có Quyết định trưng cầu giám định số 12/2020/QĐ-TCGĐ trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tại Bản tự khai, Đơn xin xét xử hòa giải vắng mặt và Giấy ủy quyền theo đề nghị của ông Q tại Phòng Giám định, Công an tỉnh B.

Tại Kết luận giám định số 1679/KL-KTHS ngày 18/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự đã kết luận: " Các dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Ngón chỏ phải" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) là của cùng một người.

- Các dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Ngón chỏ trái" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ trái trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) là của cùng một người".

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là anh Vũ Văn H trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cho anh được ly hôn chị Dung. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh đã nhiều lần đề nghị chị Dvề đoàn tụ nhưng chị Dkhông đồng ý đoàn tụ.

Về con chung đề nghị cho anh được nuôi cả hai con chung là cháu Vũ Trần Hoàng N và cháu Vũ Đức T, anh không yêu cầu chị Dphải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, do chị Dđi nước ngoài nên hai con vẫn đang ở với anh. Hiện nay anh đang làm việc tại Công ty TNHH sản xuất bao bị Dan Yang thu nhập ổn định khoảng 32.000.000đồng/ tháng , đủ điều kiện để nuôi con chung và không yêu cầu chị Dphải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người đại diện theo ủy quyền của chị Dnhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Trần Văn Q trình bày: Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho ông, ông đã đều thông báo cho con gái ông là chị Trần Thị Mỹ D. Ông đề nghị Tòa án giao cho chị Dnuôi cả hai con chung. Vì hàng tháng chị Dvẫn gửi tiền về cho ông để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Ông cũng đồng ý nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các con của chị Dtrong thời gian chị Dở nước ngoài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng; và việc việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết ly hôn cho anh

Vũ Văn H và chị Trần Thị Mỹ D; Giao 02 con chung là Vũ Trần Hoàng N, sinh ngày 12/02/2010 và Vũ Đức T, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Vũ Văn H nuôi dưỡng, chị Trần Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, tố tụng: Anh Vũ Văn H làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị Trần Thị Mỹ D đang ở Đài Loan. Cục xuất nhập cảnh đã có văn bản trả lời là chị Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 29/7/1990 đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 14/7/2017, chưa có thông tin nhập cảnh. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh B có nhận được Bản tự khai và Đơn ủy quyền do chị Trần Thị Mỹ D gửi về qua đường bưu điện do ông Trần Văn Q là bố đẻ chị Dnộp cho Tòa án có nội dung đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh H. Tuy nhiên, chị Dcó nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và đề nghị phân chia tài sản chung của vợ chồng và được nhận tài sản phân chia bằng tiền. Tòa án nhân dân tỉnh B đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với dấu vân tay của chị Trần Thị Mỹ D trong Bản tự khai, Đơn ủy quyền theo yêu cầu của ông Trần Văn Q. Tại Kết luận giám định của Phòng giám định - Công an tỉnh B đã khẳng định "Các dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Ngón chỏ phải" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) là của cùng một người.

- Các dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Ngón chỏ trái" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ trái trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) là của cùng một người". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Trần Thị Mỹ D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Trần Thị Mỹ D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đồng Vi, huyện Yên D ngày 06/5/2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Anh H và chị Dđều xác định cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra những mâu thuẫn, không chung quan điểm sống dẫn đến không thể duy trì hôn nhân và không muốn chung sống với nhau nữa, anh H có đơn xin ly hôn, chị Dcũng đồng ý ly hôn với anh H. Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Dđã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của anh H xử cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Trần Thị Mỹ D là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh Vũ Văn H và chị Trần Thị Mỹ D có 02 con chung là Vũ Trần Hoàng N, sinh ngày 18/02/2010 và Vũ Đức T, sinh ngày 15/4/2014. Khi ly hôn, anh H và chị Dđều đề nghị được nuôi của 02 con chung. Xét thấy: Chị Trần Thị Mỹ D có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung nhưng hiện nay chị Dđang ở Đài Loan, không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó, anh Vũ Văn H hiện đang sinh sống cùng bố đẻ tại Thôn Thượng, xã Đồng Vi, huyện Yên D, tỉnh B. Cháu Vũ Trần Hoàng N và cháu Vũ Đức T hiện đang sống cùng anh H và ông nội, đang học tập ổn định tại xã Đồng Vi, cháu N có nguyện vọng được ở với anh H. Hiện nay, anh H đang làm việc tại Công ty TNHH sản xuất bao bì Dan Yang với mức lương chính là 12 triệu đồng/1 tháng, tổng thu nhấp là 32.000.000đồng/1 tháng. Như vậy, xét điều kiện thực tế về việc làm, thu nhập, chỗ ở của anh H và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N và cháu T. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh H giao 02 con chung là cháu Vũ Trần Hoàng N, sinh ngày 18/02/2010 và Vũ Đức T, sinh ngày 15/4/2014 cho anh H trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do anh H không đề nghị chị Dcấp dưỡng nuôi con chung nên chị Dkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị Dthực hiện quyền này. Khi nào chị Dvề nước hoặc các đương sự có yêu cầu thì có quyền đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về công nợ chung: Anh H, chị Dđều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2020, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 25/9/2020 của chị Trần Thị Mỹ D có trình bày trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng chị có mua 01 chiếc xe máy Novo LX, biển số 98-B1 41902 trị giá 35.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng chị có 01 sổ đỏ nhà đất. Mảnh đất đó hiện nay đã được cả gia đình cùng nhau vun vén và xây nên một căn nhà, hiện tại cả gia đình đang sống và sinh hoạt tại đây. Trị giá ngôi nhà là 1.500.000.000 đồng. Sau khi chị đi nước ngoài xảy ra những thay đổi gì chị không nắm được. Sau khi phân chia chị muốn được nhận bằng tiền mặt Việt Nam đồng. Xét thấy: Yêu cầu này của chị Trần Thị Mỹ D được gửi về sau thời điểm Tòa án đã hai lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và sau khi Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 200 BLTTDS không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau này, các đương sự có yêu cầu có thể đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về chi phí giám định: Ông Q có đơn đề nghị giám định dấu vân tay của chị Trần Thị Mỹ D do vậy ông Trần Văn Q phải chịu chi phí giám định. Xác nhận

ông Q đã nộp đủ số tiền chi phí giám định 3.460.000đồng.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân gia đình, khoản 1 Điều 37, Điều 227, khoản 1 Điều 147, Điều 160, khoản 3 Điều 200, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn H được ly hôn chị Trần Thị Mỹ D.

2.Về con chung: Giao anh Vũ Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Vũ Trần Hoàng N, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Vũ Đức T, sinh ngày 15/4/2014.

Chị Trần Thị Mỹ D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị Dthực hiện quyền này.

Vấn đề cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000764 ngày 14/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Vũ Văn H đã nộp đủ số tiền trên.

5. Về chi phí giám định: Ông Trần Văn Q phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng. Xác nhận ông Trần Văn Q đã nộp đủ số tiền trên.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Vũ Văn H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn chị Trần Thị Mỹ D cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Đồng Vi, huyện Yên D;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Ngô Văn Bê **Lê Thị Minh Khánh**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà